

# NHÀN

## A – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Cảm nhận được vẻ đẹp cuộc sống, nhân cách của Nguyễn Bình Khiêm : cuộc sống đạm bạc, nhân cách thanh cao, trí tuệ sáng suốt, uyên thâm.
- Biết cách đọc – hiểu một bài thơ có những câu thơ ẩn ý, thâm trầm ; thấy được vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt : mộc mạc, tự nhiên mà ý vị.
- Hiểu đúng quan niệm sống nhàn của tác giả, từ đó càng thêm yêu mến, kính trọng Nguyễn Bình Khiêm.

## B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

### I – NỘI DUNG

#### 1. Đặc điểm bài học

a) Bài thơ nằm trong chủ đề *nhàn* – một chủ đề lớn của thơ Nguyễn Bình Khiêm. Những biểu hiện của chữ *nhàn* khá phong phú, đa dạng : "rỗi nhàn", "thân nhàn", "phận nhàn", "thanh nhàn". Bản chất của chữ *nhàn* ở Nguyễn Bình Khiêm là sống thuận theo tự nhiên : *Dẫu nhàn chê khen dẫu miệng thế – Cơ cầu tạo hoá mặc tự nhiên*. *Nhàn* là đối lập với danh lợi : *Để rẻ công danh đối lấy nhàn*. *Nhàn* là triết lí, là thái độ sống, là tâm trạng.

b) Bài thơ là lời tâm sự về cuộc sống và sở thích cá nhân, thể hiện quan niệm nhân sinh của tác giả. Bài *Nhàn* có cách nói ngụ ý, cách nói ngược nghĩa thâm trầm mà sâu sắc.

Bài thơ có sự kết hợp giữa chất trữ tình và chất triết lí, ngôn ngữ giản dị, tự nhiên.

#### 2. Trọng tâm bài học

a) Bản chất chữ *nhàn* của Nguyễn Bình Khiêm :

- Sống hoà hợp với tự nhiên.

- Phủ nhận danh lợi, giữ cốt cách thanh cao.
- b) Vẻ đẹp chân dung Nguyễn Bình Khiêm từ hai góc độ :
  - Cuộc sống : đặm bạc mà thanh cao.
  - Nhân cách : vượt lên trên danh lợi.

## II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Phương pháp dạy học

Có thể giảng bài thơ theo hai cách :

- Theo kết cấu
- Theo những vấn đề toát lên từ tác phẩm.

Ở đây gợi ý cách giảng thứ hai.

Vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Bình Khiêm toát lên từ cuộc sống của tác giả. Vì vậy giảng bài này, GV hướng dẫn HS trước hết cảm nhận cuộc sống rồi từ đó cảm nhận vẻ đẹp nhân cách Nguyễn Bình Khiêm.

### 2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) *HS đọc bài thơ.*

Lưu ý HS cách đọc toàn bài nhẹ nhàng, thông thả, hóm hỉnh khi đọc hai câu 3 và 4 : *Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ – Người khôn, người đến chốn lao xao*, thanh thản, thoải mái khi đọc bốn câu thơ cuối.

b) *Hướng dẫn HS cảm nhận.*

Sau đây là những gợi ý cụ thể :

- *Vẻ đẹp cuộc sống* của Nguyễn Bình Khiêm (trong câu 1 và 2, câu 5 và 6)

Cuộc sống thuần hậu thể hiện ngay trong hai câu thơ đầu :

*Một mai, một cuốc, một cần câu,  
Thơ thần đâu ai vui thú nào.*

Cụ Trạng về sống giữa thôn quê như một "lão nông tri điền", với những công cụ lao động : mai để đào đất, cuốc để xới đất, cần câu để câu cá. Cách dùng số từ tính đếm rành rọt : "Một..., một..., một..." cho thấy tất cả đã sẵn sàng, chu đáo.

Câu thơ như đưa ta trở về với cuộc sống chất phác nguyên sơ của cái thời "tạc tỉnh canh điền" (đào giếng lấy nước uống, cày ruộng lấy cơm ăn). Cụ Trạng mà lại về với đời sống "tự cung tự cấp" thì cũng là một sự ngông ngạo trước thời đời. Ngông ngạo mà không ngang, mà cứ thuần hậu, nguyên thủy : *Thơ thần đâu ai vui thú nào*. Chữ "ai" vốn để nói về người, ở đây đọc lên nghe thật thú vị.

Cuộc sống bậc đại ẩn am Bạch Vân đạm bạc mà thanh cao :

*Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,  
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.*

Sự đạm bạc là ở những thức ăn quê mùa, dân dã như măng trúc, giá đỗ. Các món ăn đạm bạc cây nhà lá vườn này là mình tự lo, là công sức của chính mình. Ăn đã vậy, còn ở, còn sinh hoạt ? Cũng tắm hồ, tắm ao như bao người dân quê khác.

Đạm bạc chứ không khắc khổ. Đạm đi với thanh. Cuộc sống thanh cao trong sự trở về với tự nhiên, mùa nào thức ấy. Hai câu thơ mà có một bộ tranh tứ bình về cảnh sinh hoạt với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông ; có mùi vị, có hương sắc, không nặng nề, không ảm đạm. *Thu ăn măng trúc, đông ăn giá*, – nói như Xuân Diệu là có cảm giác "ăn giá tuyết, uống băng đông". *Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao* – thì vừa có nước trong, vừa có hương thơm thanh quý.

– *Vẻ đẹp nhân cách* (trong câu 3 và 4)

Tuyệt Giang Phu Tử về với thiên nhiên, sống hoà thuận theo tự nhiên là thoát ra ngoài vòng ganh đua của thói tục, là không bị cuốn hút bởi tiền tài, địa vị, để tâm hồn an nhiên khoáng đạt.

Nhân cách Nguyễn Bình Khiêm đối lập với danh lợi như nước với lửa :

*Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,  
Người khôn, người đến chốn lao xao.*

"Vắng vẻ" đối lập với "lao xao", "ta" đối lập với "người". Ta tìm nơi vắng vẻ là nơi không người cầu cạnh ta và ta cũng không cầu cạnh người. Nơi vắng vẻ là nơi tĩnh tại của thiên nhiên và nơi thanh thoi của tâm hồn. Người đến chốn lao xao là đến chốn của quyền, là đường hoạn lộ. Chốn lao xao, sang trọng thì có ngựa xe tấp nập, kẻ hầu người hạ, thủ đoạn thì có bon chen, luồn lọt, sát phạt.

Tìm đến sự thanh cao, tìm thấy sự thư thái của tâm hồn, Bạch Vân Cư Sĩ vui, niềm vui thốt lên thành lời : "Thơ thần dầu ai vui thú nào". Niềm vui như hiện lên trong bước đi ung dung, "thơ thần". Niềm vui chi phối cả âm điệu bài thơ, cứ nhẹ nhàng, lâng lâng, cứ thanh thản, thoải mái một cách kì lạ.

– *Vẻ đẹp trí tuệ Nguyễn Bình Khiêm*

Trạng Trình là một bậc thức giả với trí tuệ vô cùng tinh táo. Tinh táo trong sự chọn lựa : "Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ", mặc cho "Người khôn, người đến chốn lao xao". Tinh táo trong cách nói đùa vui, ngược nghĩa, dại mà thực chất là khôn, còn khôn mà hoá dại. Ở một bài thơ khác, Nguyễn Bình Khiêm viết :

*Khôn mà hiểm độc là khôn dại  
Dại vốn hiền lành ấy dại khôn.*

(*Thơ Nôm – Bài 94*)

Như vậy thì đại, khôn ở Nguyễn Bình Khiêm có phần xuất phát từ trí tuệ, triết lí dân gian : "Ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác".

Trạng Trình là bậc triết gia với trí tuệ uyên thâm. Bậc đại nho, đại trí này nắm vững lẽ biến dịch, hiểu thấu quy luật *hoạ / phúc, bĩ / thái, cùng / thông, táng / đắc*. Với Nguyễn Bình Khiêm, cái "khôn" của người thanh cao là quay lưng lại với danh lợi, tìm sự thư thái cho tâm hồn, sống ung dung hoà nhập với tự nhiên.

Vì vậy mà có nhân quan tử tướng. Với cái nhìn thông tuệ thì tìm đến "say" chỉ là để "tỉnh" :

*Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống,  
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.*

Cuộc sống nhàn dật này là kết quả của một nhân cách, một trí tuệ. Trí tuệ nhận ra công danh, của cải, quyền quý chỉ là giấc chiêm bao. Trí tuệ nâng cao nhân cách để nhà thơ từ bỏ chốn lao xao quyền quý đến nơi vắng vẻ đạm bạc mà thanh cao.

– Khái quát về đẹp bức chân dung Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ *Nhàn* : chân dung cuộc sống, chân dung nhân cách.

#### c) *Củng cố kiến thức*

Chữ *nhàn* trong thơ Nguyễn Bình Khiêm là cùng dòng với chữ *nhàn* của Chu Văn An, Nguyễn Trãi. Những bậc đại hiền này nhàn thân mà không nhàn tâm. Tuy về nhàn mà các ông vẫn luôn ưu ái với đời. Nó khác xa lối sống nhàn "độc thiện kì thân" (làm tốt cho riêng mình).

### III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Gợi ý trả lời câu hỏi 5 :

Quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm không phải là sống nhàn nhã, trốn tránh vất vả, cực nhọc về thể chất. Với Nguyễn Bình Khiêm, nhàn không phải là quay lưng với xã hội, chỉ lo cho cuộc sống nhàn tản của bản thân. Nhàn là xa lánh nơi quyền quý, danh lợi mà tác giả gọi là "chốn lao xao". Nhàn là sống hoà hợp với tự nhiên : *Thu ăn măng trúc, đông ăn giá – Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao*, về với tự nhiên để di dưỡng tinh thần. Nguyễn Bình Khiêm nhàn thân mà không nhàn tâm, nhàn mà vẫn canh cánh nỗi niềm ái ưu (ái quốc ưu dân – yêu nước lo dân). Đặt trong hoàn cảnh xã hội phong kiến có những biểu hiện suy vi về đạo đức thì quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm mang những yếu tố tích cực.

### IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Luận, *Thơ nhàn của Nguyễn Bình Khiêm*, trong *Nguyễn Bình Khiêm – Về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.

2. Lã Nhâm Thìn, *Bình giảng thơ Nôm Đường luật*, Sđd., (đọc bài *Nhàn*).